

BẢNG ĐIỂM THI LẦN 1 HỌC KỲ 20201
Lớp TKĐH 4 K10 Mã lớp học 30,516 Thực hành

Môn học: TMH31 Kỹ năng mềm

Giáo viên:.....*hũ Tài Hoa*.....

Số đơn vị học trình: 1

Thời gian TH: Từ *9/2/20* đến *9/1/2021*

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Số tờ	Chữ ký SV	Ghi chú
1	CD182560	Nguyễn Quang Anh	06/02/1999	6		<i>Anh</i>	
2	CD182832	Phạm Thị Lan Anh	27/01/2000	7		<i>Anh</i>	
3	CD182964	Vũ Duy Chiến	11/01/1997	6		<i>Chiến</i>	
4	CD182881	Đỗ Mạnh Cường	30/11/2000	6		<i>Cường</i>	
5	CD182875	Đỗ Trọng Đạt	05/11/2000	6		<i>Đạt</i>	
6	CD182450	Nguyễn Hữu Đức	13/05/2000	7		<i>Đức</i>	
7	CD182645	Đỗ Thị Hậu Giang	24/04/1999	7		<i>Giang</i>	
8	CD182410	Nguyễn Danh Hà	07/06/2000	6		<i>Hà</i>	
9	CD183035	Phạm Thế Hùng	27/04/2000	7		<i>Hùng</i>	
10	CD170429	Phùng Quang Hưng	19/04/1998	7		<i>Hưng</i>	
11	CD182898	Cao Văn Khang	22/09/1998	7		<i>Khang</i>	
12	CD182471	Dương Trung Linh	01/09/2000				<i>học tại</i>
13	CD182758	Lăng Đức Long	19/08/2000	7		<i>Long</i>	
14	CD182634	Trương Văn Minh	16/02/2000	7		<i>Minh</i>	
15	CD183042	Hoàng Việt Phong	04/01/1999	5		<i>Phong</i>	
16	CD182323	Nguyễn Hữu Phúc	18/10/1999	6		<i>Phúc</i>	
17	CD182436	Nguyễn Hải Quang	24/12/2000	6		<i>Quang</i>	
18	CD182903	Nguyễn Hùng Sơn	23/01/2000	6		<i>Sơn</i>	
19	CD182821	Nguyễn Thành Tâm	21/07/2000	7		<i>Tâm</i>	
20	CD182684	Trương Thanh Thiên	20/08/2000	6		<i>Thiên</i>	
21	CD183061	Lê Văn Thọ	23/05/2000	6		<i>Thọ</i>	
22	CD182681	Bùi Thu Thủy	22/08/2000				<i>học tại</i>
23	CD182709	Nguyễn Thành Trung	22/12/2000	6		<i>Trung</i>	
24	CD183085	Lê Khắc Tú	03/09/1999	5		<i>Tú</i>	
25	CD182849	Nguyễn Anh Tuấn	25/11/1999	6		<i>Tuấn</i>	
26	CD182553	Giang Văn Vũ	03/06/2000	7		<i>Vũ</i>	

Tổng số SV tham gia thực hành.....*26*.....

Ngày giáo viên nộp điểm:.....

Số sinh viên đạt:.....*26*.....

Hạn cuối nộp điểm:.....

PHÒNG ĐÀO TẠO

CÁN BỘ CHẤM THI

TRƯỜNG KHOA

Trần Thị Như Trang
Trần Thị Như Trang